

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ CHÂU ĐỐC
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 31/2017/HNGĐ-ST
Ngày: 11/7/2017
“V/v tranh chấp về hôn nhân
và gia đình, ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CHÂU ĐỐC**

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh Tâm.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trương Văn Thảo. ;
2. Ông Huỳnh Văn Hiếu.

Thư ký phiên tòa: Bà Huỳnh Ngọc Thảo, Thư ký Toà án nhân dân thành phố Châu Đốc, tỉnh An Giang.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Châu Đốc, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa: Ông Lưu Tiến Dũng - Kiểm sát viên.

Ngày 11/7/2017 tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Châu Đốc xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 103/2017/TLST-HNGĐ ngày 13/3/2017 về: “*Tranh chấp hôn nhân và gia đình, ly hôn*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 60/2017/QĐST-HN ngày 05/6/2017; Quyết định hoãn phiên tòa số 34/2017/QĐST-HN ngày 21/6/2017; Quyết định thay đổi người tiến hành tố tụng số 106/QĐCA-TA ngày 10/7/2017, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Huỳnh Thị Ngọc N, sinh năm 1986; nơi cư trú: tổ 01, khóm CT1 (hiện nay là khóm CT3), phường B, thành phố D, tỉnh An Giang.

Bị đơn: Ông Trần Văn M, sinh năm 1983; nơi cư trú: tổ 01, khóm CT1 (hiện nay là khóm CT3), phường B, thành phố D, tỉnh An Giang.

Bà N có mặt, ông M vắng mặt (có yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và lời khai cung cấp trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Huỳnh Thị Ngọc N trình bày:

Nguyên đơn và ông Trần Văn M tự nguyện tìm hiểu và kết hôn, đăng ký kết hôn ngày 20/02/2008 tại Ủy ban nhân dân phường B, thị xã (nay là thành phố) D. Thời gian đầu, vợ chồng chung sống hạnh phúc, đến tháng 4/2016 phát

sinh mâu thuẫn do ông M ghen tuông vô cớ dẫn đến vợ chồng thường xuyên cự cãi, bất đồng. Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn với ông M.

Về con chung, trong thời gian chung sống, nguyên đơn và ông M có 02 con chung tên Trần Thị N, sinh ngày 30/3/2004 và Trần Minh K, sinh ngày 20/12/2007. Nguyên đơn yêu cầu được tiếp tục nuôi dạy con chung, không yêu cầu ông M cấp dưỡng nuôi con chung.

Tài sản chung, nợ chung: Nguyên đơn không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản ghi nhận ý kiến ngày 10/7/2017, bị đơn ông Trần Văn M trình bày:

Bị đơn và bà N kết hôn năm 2008, quá trình chung sống có 02 con chung như bà N trình bày. Hiện các con do bà N trực tiếp nuôi dạy. Bị đơn thừa nhận trong thời gian chung sống đôi khi có xúc phạm danh dự của bà N. Hiện nay bà N gửi đơn xin ly hôn, bị đơn đồng ý ly hôn.

Về con chung, bị đơn đồng ý để bà N tiếp tục nuôi dạy con chung theo ý nguyện của các con. Bị đơn không cấp dưỡng nuôi con.

Tài sản chung, nợ chung: Bị đơn và bà N tự thỏa thuận.

Kết quả xác minh tình trạng hôn nhân giữa bà Huỳnh Thị Ngọc N và ông Trần Văn M tại Hội Liên hiệp Phụ nữ phường B, thể hiện:

Trong thời gian chung sống ông M và bà N có xảy ra mâu thuẫn, ông M thường hay ghen tuông vô cớ ảnh hưởng đến công việc làm ăn của bà N. Khi ông M đi nhậu về thì quậy phá, đập đồ trong nhà. Trước đó bà N đã nộp đơn ly hôn tại Tòa án nhưng ông M năn nỉ hứa sẽ không ghen tuông vô cớ nữa nên bà N rút đơn. Đến tháng 02/2016 bà N tiếp tục gửi đơn đến Tòa án vì ông M không thay đổi.

Tại phiên tòa,

Nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và ý kiến như đã trình bày, không cung cấp, bổ sung thêm chứng cứ nào khác.

Ý kiến của Kiểm sát viên:

Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án thực hiện đúng, đầy đủ quy định tại Điều 48 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015 (BLTTDS).

Việc Tuân thủ pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án tại phiên tòa đã tuân theo đúng các quy định của BLTTDS về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

Người tham gia tố tụng đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng của họ theo quy định của pháp luật. Bị đơn vắng mặt có yêu cầu xét xử vắng mặt nên thuộc trường hợp xét xử vắng mặt theo quy định.

Về giải quyết vụ án, căn cứ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, diễn biến tại phiên tòa, có cơ sở xác định quan hệ hôn nhân giữa bà Huỳnh Thị Ngọc N và ông Trần Văn M có đăng ký kết hôn nên được xem là hôn nhân hợp

pháp. Bà N khởi kiện yêu cầu được ly hôn với ông M do ông M ghen tuông vô cớ và xúc phạm danh dự của bà N. Ông M đồng ý ly hôn với bà N, đề nghị công nhận sự thuận tình ly hôn giữa bà N và ông M.

Đối với con chung, các bên thống nhất bà N được tiếp tục nuôi dạy con chung, ông M không phải cấp dưỡng nuôi dạy con theo Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, đề nghị công nhận sự thỏa thuận của các đương sự.

Đối với tài sản chung, nợ chung, các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên đề nghị không xem xét trong vụ án

Từ những phân tích nêu trên, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét quyết định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Về tố tụng:

Nguyên đơn Bà Huỳnh Thị Ngọc N khởi kiện yêu cầu ly hôn với bị đơn ông Trần Văn M; bị đơn có địa chỉ cư trú tại tổ 01, khóm CT1 (nay là khóm CT3), phường B, thành phố D. Xét đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình, ly hôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố D, tỉnh An Giang theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của BLTTDS.

Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa, có yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo qui định tại khoản 1 Điều 228 BLTTDS.

Về nội dung:

[1] Bà N và ông M kết hôn trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn ngày 20/02/2008 tại Ủy ban nhân dân phường B, thành phố D nên hôn nhân giữa các đương sự là hợp pháp làm phát sinh quyền và nghĩa vụ giữa vợ chồng.

Vợ chồng phải thương yêu, quý trọng, chăm sóc, giúp đỡ lẫn nhau. Bà N và ông M hiện tại không còn sống chung, trong thời gian chung sống, vợ chồng thường xuyên phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm. Xét, việc bà N, ông M thống nhất thuận tình ly hôn là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp quy định pháp luật và không trái đạo đức, xã hội nên công nhận.

[2] Về con chung, bà N và ông M có lời khai thống nhất, trong thời gian chung sống, vợ chồng có 02 con chung tên Trần Thị N, sinh ngày 30/3/2004 và Trần Minh K sinh ngày 20/12/2007 hiện bà N đang trực tiếp nuôi dạy. Bà N yêu cầu tiếp tục nuôi dạy con chung không yêu cầu ông M cấp dưỡng, ông M đồng ý để bà N tiếp tục nuôi dạy con chung.

Khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 quy định:

Vợ, chồng thỏa thuận về người trực tiếp nuôi con, nghĩa vụ, quyền của mỗi bên sau khi ly hôn đối với con; trường hợp không thỏa thuận được thì Tòa án quyết định giao con cho một bên trực tiếp nuôi căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của con; nếu con từ đủ 07 tuổi trở lên thì phải xem xét nguyện vọng của con.

Xét, sự thỏa thuận về việc nuôi con của bà N, ông M phù hợp với nguyện vọng của con và phù hợp quy định pháp luật như viện dẫn nêu trên nên công nhận sự thỏa thuận của bà N, ông M về người trực tiếp nuôi con. Cụ thể, bà N được tiếp tục nuôi con chung tên Trần Thị N, sinh ngày 30/3/2004 và Trần Minh K, sinh ngày 20/12/2007.

[3] Về cấp dưỡng nuôi con, bà N không yêu cầu ông M cấp dưỡng nên không xem xét trong vụ án.

[4] Về tài sản chung, nợ chung, bà N, ông M thống nhất vợ chồng tự thỏa thuận nên không đề cập giải quyết.

[5] Về án phí:

Bà Huỳnh Thị Ngọc N có đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn nên phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm theo luật định.

Ông Trần Văn M không phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Điều 55, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 và Điều 131 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; Điều 147, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Về hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa bà Huỳnh Thị Ngọc N và ông Trần Văn M.

Về con chung: Bà Huỳnh Thị Ngọc N được tiếp tục nuôi dạy 02 con chung tên Trần Thị N, sinh ngày 30/3/2004 và Trần Minh K sinh ngày 20/12/2007. Ông Trần Văn M không phải cấp dưỡng nuôi dạy con chung.

Bà Huỳnh Thị Ngọc N cùng các thành viên gia đình (nếu có) không được cản trở ông Trần Văn M trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của người thân thích của con, cơ quan có thẩm quyền, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, buộc cấp dưỡng nuôi con chung dựa trên các căn cứ do pháp luật quy định.

Về án phí: Bà Huỳnh Thị Ngọc N phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí hôn nhân sơ thẩm đã nộp theo biên lai số TU/2015/0007283 ngày 13/3/2017 của Chi cục Thi hành án Dân sự thành phố Châu Đốc. Bà N đã nộp đủ án phí.

Ông Trần Văn M không phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm.

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bà N có quyền kháng cáo để yêu cầu Toà án nhân dân tỉnh An Giang xét xử phúc thẩm.

Riêng thời hạn kháng cáo của ông M được tính là 15 ngày kể từ ngày bản án được giao hoặc niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND TP. Châu Đốc (2);
- TAND tỉnh An Giang (1);
- Chi cục THADS TP. Châu Đốc (1);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ (1);
- Lưu văn phòng (1).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thanh Tâm